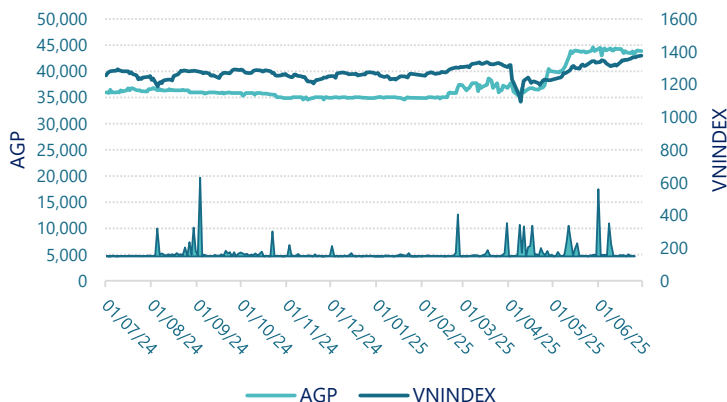




CTCP Dược phẩm Agimexpharm (UPCOM: AGP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	43,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,607
SL cổ phiếu LH	26,615,268
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,350
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,168
P/E	22.7
EPS	1,933

DT thuần

Q2/25

207

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00 | 2.8%

YoY: ▲ 17.0 | 8.8%

LN sau thuế

Q2/25

11.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.70 | -13.3%

YoY: ▼ 0.50 | -4.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

11.7%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

6T 2025

408

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.0 | 10.0%

LN sau thuế

6T 2025

24.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.60 | 11.7%

ROE

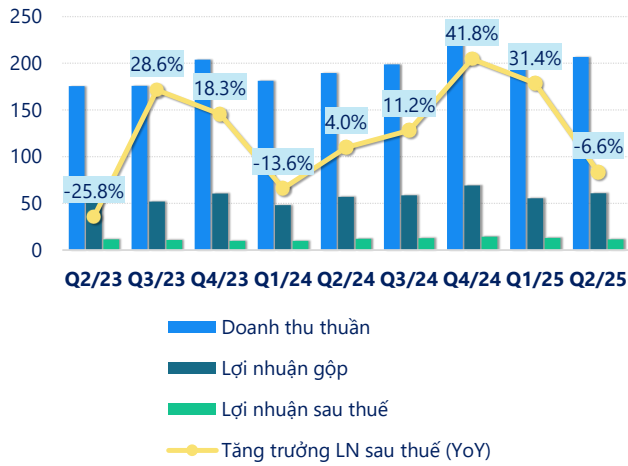
Q2/25

12.8%

+/- YoY: ▲ 0.3%

tỷ VNĐ

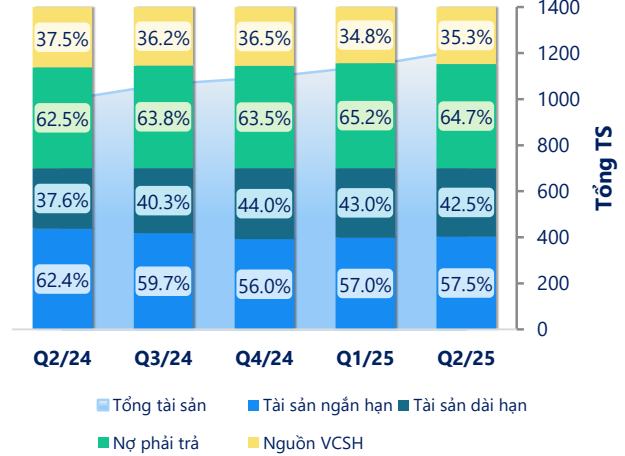
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

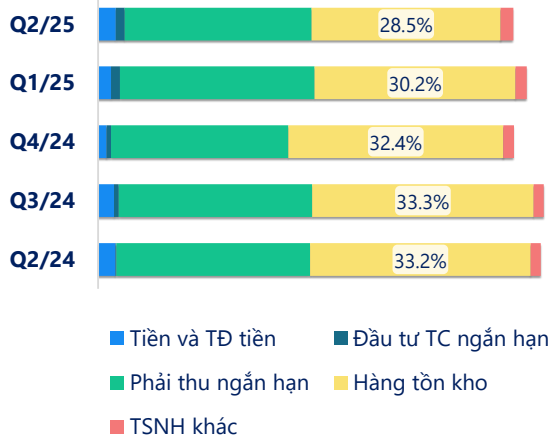
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



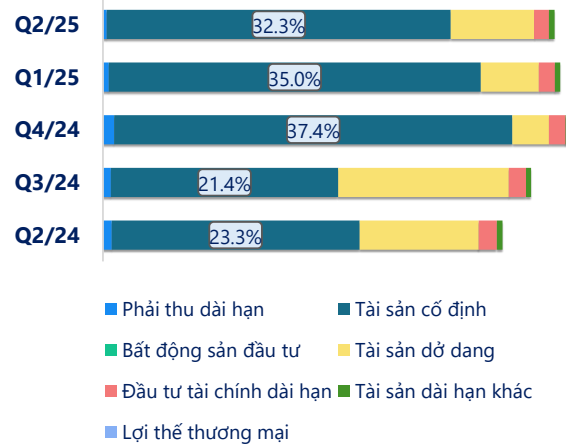
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

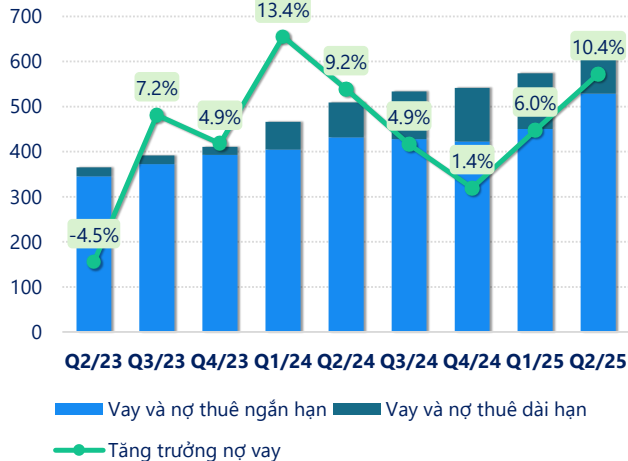
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

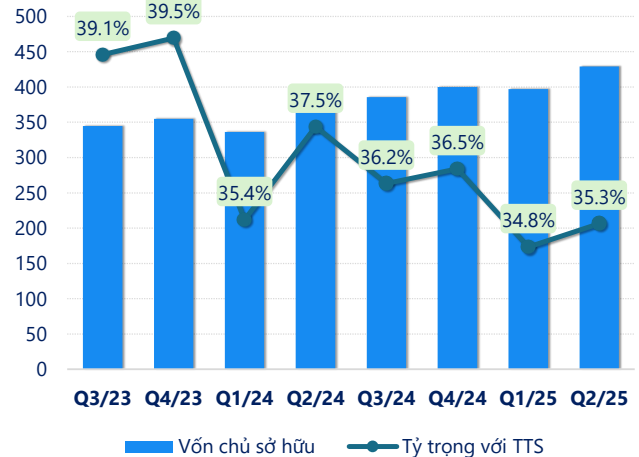
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

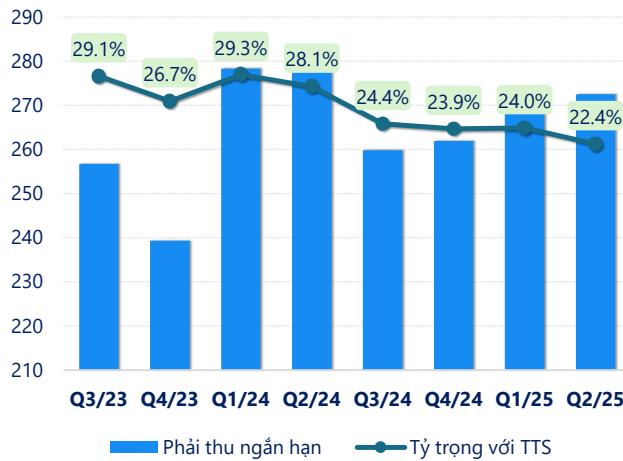
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



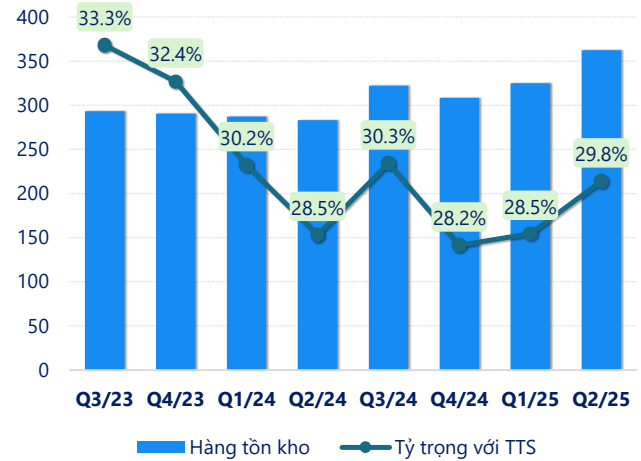
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


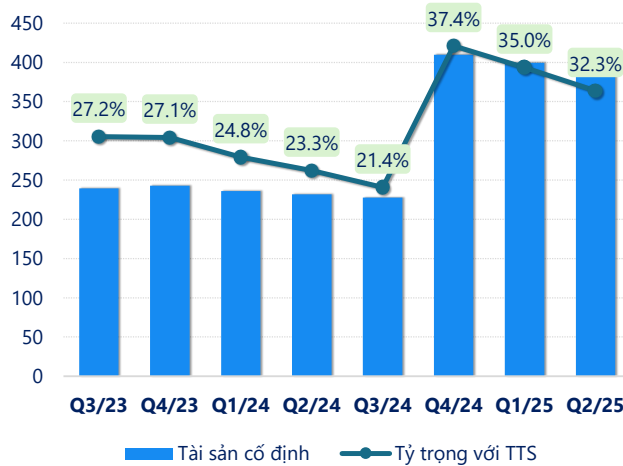
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


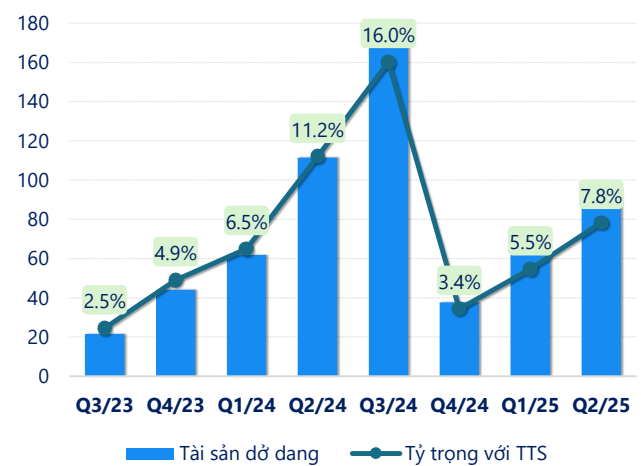
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

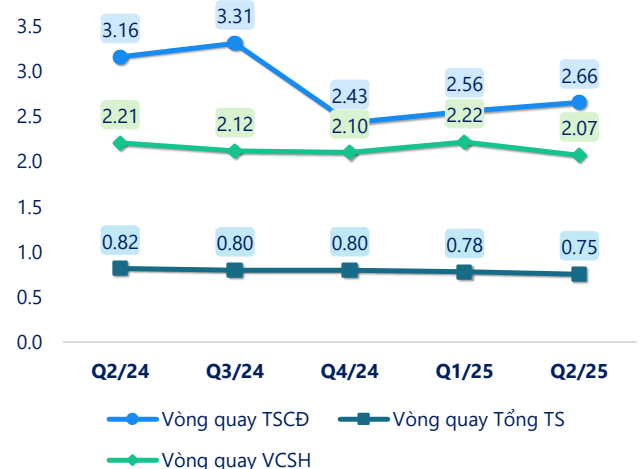
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	995	1,064	1,094	1,142	1,216
Tài sản ngắn hạn	621	636	613	651	699
Tiền và tương đương tiền	26.0	25.7	13.9	22.0	32.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.6	6.10	6.10	6.10	6.10
Phải thu ngắn hạn	280	260	262	274	272
Hàng tồn kho	283	322	308	325	362
Tài sản ngắn hạn khác	18.8	22.2	22.6	23.4	26.2
Tài sản dài hạn	374	428	481	491	516
Phải thu dài hạn	8.11	7.82	11.6	6.13	4.41
Tài sản cố định	232	228	410	399	393
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	111	171	37.6	62.3	95.1
Đầu tư tài chính dài hạn	17.1	17.1	17.1	17.1	17.1
Tài sản dài hạn khác	5.09	5.12	5.42	5.98	6.52
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	622	679	694	745	786
Nợ ngắn hạn	544	573	576	621	682
Vay và nợ thuê ngắn hạn	431	428	423	450	529
Phải trả người bán ngắn hạn	83.6	114	116	132	124
Nợ dài hạn	77.6	106	119	124	105
Vay và nợ thuê dài hạn	77.6	106	119	124	105
Nguồn vốn chủ sở hữu	373	385	400	397	429
Vốn chủ sở hữu	373	385	400	397	429
Vốn điều lệ	231	231	231	231	266
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)